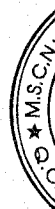


**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MỘT THÀNH VIÊN XÔ SÓ KIẾN THIẾT
KIÊN GIANG**

Báo cáo tài chính tổng hợp đã được soát xét
Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	5 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	10
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	11 – 34

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT KIÊN GIANG
Số 94, đường 3 tháng 2, phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY

Chủ tịch Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Xổ Số Kiến Thiết Kiên Giang (gọi tắt là “Công ty”) hân hạnh trình báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đã được soát xét cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2021.

1. Thông tin chung

Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Kiên Giang (“Công ty”) là công ty TNHH một thành viên do UBND tỉnh Kiên Giang là cơ quan đại diện chủ sở hữu được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước và được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 1700110137 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp ngày 30 tháng 12 năm 2009 với các lần thay đổi, thay đổi lần thứ 09 ngày 19 tháng 02 năm 2021 và phê duyệt mức vốn điều lệ theo Quyết định của UBND tỉnh Kiên Giang số 2012/QĐ-UBND ngày 19 tháng 05 năm 2015.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Số 94, đường 3 tháng 2, phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
- Điện thoại : 02973 873 061

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Kinh doanh xổ số kiến thiết (Mã ngành 9200);
- In ấn;
- Dịch vụ liên quan đến in ấn;
- Sao chép bản ghi các loại.

2. Chủ tịch và Ban Tổng Giám đốc

Chủ tịch và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ tài chính và cho đến ngày lập báo cáo này là:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Trần Chí Hùng	Chủ tịch	08/02/2021	19/01/2021
Ông Lâm Minh Đạo	Tổng giám đốc		
Ông Trần Minh Khoa	Tổng giám đốc		
Bà Nguyễn Ngọc Hòa	Phó Tổng giám đốc		
Ông Lâm Thành Được (*)	Phó Tổng giám đốc		

(*) Từ ngày 01/02/2021 Ông Lâm Thành Được được phân công phụ trách điều hành hoạt động Công ty TNHH MTV Xổ Số Kiến Thiết Kiên Giang trong thời gian chờ cấp thẩm quyền xem xét bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới theo đúng điều lệ Công ty và qui định pháp luật hiện hành.

Đại diện pháp luật

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Lâm Minh Đạo	Tổng giám đốc	08/02/2021	19/01/2021
Ông Trần Minh Khoa	Tổng giám đốc		

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp của Công ty cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2021 và tình hình tài chính tổng hợp vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2021.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính tổng hợp

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Công ty trong kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2021. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chủ tịch Công ty phê duyệt các Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và các luồng lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho kỳ tài chính kết thúc vào cùng ngày, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.



Ông Trần Chí Hùng

Chủ tịch

Kiên Giang, ngày 30 tháng 07 năm 2021



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International

PKF

Accountants &
business advisers

Số: 025/2021/BCSX-CT.00248

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Chủ tịch và Ban Tổng Giám đốc**
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỔ KIẾN THIẾT KIÊN GIANG

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Xổ Sổ Kiến Thiết Kiên Giang (gọi tắt là Công ty), được lập ngày 19 tháng 07 năm 2021 từ trang 5 đến trang 34 bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

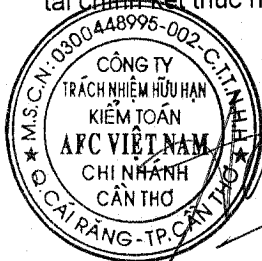
Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Xổ Sổ Kiến Thiết Kiên Giang tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Xổ Số Kiến Thiết Kiên Giang cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 chưa được soát xét và báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Doanh nghiệp Kiểm toán khác. Kiểm toán viên của Công ty kiểm toán này đã đưa ra báo cáo kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 vào ngày 30 tháng 01 năm 2021 với ý kiến chấp nhận toàn phần.



TRANG ĐẮC NHA

Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2111-2018-009-1

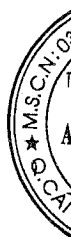
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH CẦN THƠ

Thành phố Cần Thơ, ngày 30 tháng 07 năm 2021

NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH

Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0600-2018-009-1



CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN XỐ SỔ KIẾN THIẾT KIÊN GIANG
 Số 94, đường 3 tháng 2, phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
BẢNG CÂN ĐÒI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.481.487.661.908	1.633.728.645.241
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	475.319.995.418	1.222.624.495.881
Tiền	111		475.319.995.418	519.634.495.881
Các khoản tương đương tiền	112		-	702.990.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2.1	799.380.706.132	223.500.000.000
Đầu tư ngắn hạn	121		799.380.706.132	223.500.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		196.858.170.143	173.733.533.357
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	196.206.080.098	170.770.665.359
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	110.400.000	285.301.090
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	135	5.5	541.690.045	2.677.566.908
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
Hàng tồn kho	140		7.816.416.438	11.009.127.504
Hàng tồn kho	141	5.6	7.816.416.438	11.009.127.504
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.112.373.777	2.861.488.499
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7.1	1.642.120.966	2.861.488.499
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.11	130.252.811	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		340.000.000	-

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN XÔ SÓ KIẾN THIẾT KIẾN GIANG
Số 94, đường 3 tháng 2, phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		230.117.352.371	237.969.843.454
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
Phải thu dài hạn khác	218		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		187.834.173.784	196.236.330.315
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	149.534.129.413	157.600.939.944
Nguyên giá	222		235.496.790.229	235.333.899.320
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(85.962.660.816)	(77.732.959.376)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.9	38.300.044.371	38.635.390.371
Nguyên giá	228		43.509.832.371	43.509.832.371
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.209.788.000)	(4.874.442.000)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2.2	41.645.109.355	41.645.109.355
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư dài hạn khác	258		61.047.700.000	61.047.700.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(19.402.590.645)	(19.402.590.645)
Tài sản dài hạn khác			638.069.232	88.403.784
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7.2	638.069.232	88.403.784
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.711.605.014.279	1.871.698.488.695

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN XÔ SÓ KIẾN THIẾT KIÊN GIANG
 Số 94, đường 3 tháng 2, phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

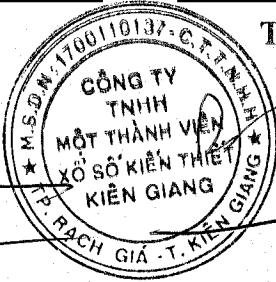
	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		566.468.361.677	871.698.488.695
Nợ ngắn hạn	310		269.794.881.970	600.697.073.398
Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
Phải trả người bán ngắn hạn	312	5.10	1.974.357.425	799.791.831
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	313	5.11	827.905.004	1.025.966.655
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.12	136.290.506.584	541.970.902.270
Phải trả người lao động	315		18.727.966.412	16.028.126.392
Chi phí phải trả ngắn hạn	316		-	-
Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.13.1	44.674.701.884	11.943.296.381
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Dự phòng rủi ro trả thưởng	321	5.14	58.743.129.299	19.175.094.499
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	5.15	8.556.315.362	9.753.895.370
Nợ dài hạn	330		296.673.479.707	271.001.415.297
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333	5.13.2	296.673.479.707	271.001.415.297
Vay và nợ dài hạn	334		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỔ KIẾN THIẾT KIÊN GIANG
 Số 94, đường 3 tháng 2, phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
NGUỒN VỐN				
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.145.136.652.602	1.000.000.000.000
Vốn chủ sở hữu	410	5.16	1.145.136.652.602	1.000.000.000.000
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		145.136.652.602	-
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.711.605.014.279	1.871.698.488.695
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Tài sản thuê ngoài			-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-	-
Vé xổ số nhận bán hộ			-	-
Nợ khó đòi đã xử lý			2.796.396.482	2.796.396.482
Công cụ, dụng cụ lâu bền đang sử dụng			8.900.128.916	8.900.128.916
Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp			-	-
Ngoại tệ các loại - USD			-	-
Doanh số phát hành xổ số kiến thiết			110.000.000.000	100.000.000.000
			121.696.525.398	111.696.525.398

CHÍNH
 HO

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN THANH MINH
 Người lập biểu

TRẦN ĐO THỊ MỸ LINH
 Kế toán trưởng

LÂM MINH ĐẠO
 Giám đốc
 Kiên Giang, ngày 19 tháng 07 năm 2021

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỞ KIẾN THIẾT KIẾN GIANG

Số 94, đường 3 tháng 2, phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2021 VND	06 tháng đầu năm 2020 VND
Doanh thu	01		2.546.143.924.439	2.064.090.731.901
Doanh thu kinh doanh xổ số	01.1		2.521.163.604.551	2.028.168.954.550
Xổ số truyền thống	01.1.1		2.503.086.945.456	2.020.418.445.454
Xổ số cào	01.1.2		9.911.145.455	-
Xổ số lô tô	01.1.4		8.165.513.640	7.750.509.096
Doanh thu kinh doanh khác	01.2		24.980.319.888	35.921.777.351
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		328.847.426.680	264.543.776.680
Giảm trừ doanh thu kinh doanh xổ số	02.1		328.847.426.680	264.543.776.680
Xổ số truyền thống	02.1.1		326.489.601.582	263.532.840.711
Xổ số cào	02.1.2		1.292.758.103	-
Xổ số lô tô	02.1.4		1.065.066.995	1.010.935.969
Giảm trừ doanh thu khác	02.2		-	-
Doanh thu thuần	10	6.1	2.217.296.497.759	1.799.546.955.221
Doanh thu thuần kinh doanh xổ số	10.1		2.192.316.177.871	1.763.625.177.870
Xổ số truyền thống	10.1.1		2.176.597.343.874	1.756.885.604.743
Xổ số cào	10.1.2		8.618.387.352	-
Xổ số lô tô	10.1.4		7.100.446.645	6.739.573.127
Doanh thu thuần kinh doanh khác	10.2		24.980.319.888	35.921.777.351
Chi phí kinh doanh	11	6.2	1.836.856.949.991	1.479.199.626.098
Chi phí kinh doanh xổ số	11.1		1.820.430.894.321	1.451.048.360.799
Chi phí trả thưởng	11.1.1		1.335.453.600.000	1.089.817.078.000
Chi phí trực tiếp phát hành xổ số	11.1.2		484.977.294.321	361.231.282.799
Giá vốn hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đã bán	11.2		16.426.055.670	28.151.265.299
Lợi nhuận gộp	20		380.439.547.768	320.347.329.123
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh xổ số	20.1		371.885.283.550	312.576.817.071
Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và kinh doanh dịch vụ khác	20.2		8.554.264.218	7.770.512.052
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	5.755.028.625	6.793.840.216
Chi phí tài chính	22	6.4	131.818.182	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
Chi phí bán hàng	24	6.5	406.411.153	411.559.167
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	57.931.313.252	59.803.403.480
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		327.725.033.806	266.926.206.692
Thu nhập khác	31	6.7	1.013.051.413	603.823.472
Chi phí khác	32	6.8	7.600.000	5.200.000
Lợi nhuận khác	40		1.005.451.413	598.623.472
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		328.730.485.219	267.524.830.164
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.12	65.071.787.745	53.243.443.279
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		263.658.697.474	214.281.386.885

TRẦN THANH MINH
Người lập biểu

TRẦN ĐO THỊ MỸ LINH
Kế toán trưởng

LÂM MINH ĐẠO
Giám đốc

Kiên Giang, ngày 19 tháng 07 năm 2021

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN XÓ SỔ KIẾN THIẾT KIÊN GIANG

Số 94, đường 3 tháng 2, phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

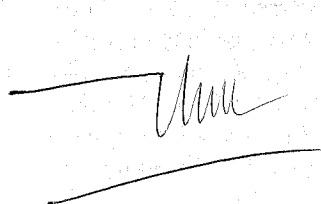
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH			
Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và kinh doanh khác	01	2.403.364.903.869	1.658.527.686.991
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(25.398.008.812)	(43.448.900.749)
Tiền chi trả cho người lao động	03	(40.525.346.165)	(29.188.650.588)
Tiền chi trả lãi vay	04	-	-
Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(118.734.416.422)	(1.167.650.879.013)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	206.027.332.562	1.364.169.675.831
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(2.231.854.328.528)	(2.489.595.732.089)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20	192.880.136.504	(707.186.799.617)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(162.890.909)	(380.969.358.527)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	-	10.729.358.527
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(494.634.000.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	7.000.000.000	-
Chi tiền đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	10.000.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.856.790.269	6.653.608.795
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(481.940.100.640)	(353.586.391.205)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(458.244.536.327)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(458.244.536.327)	-
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	(747.304.500.463)	(1.060.773.190.822)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	1.222.624.495.881	1.504.934.618.684
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	475.319.995.418	444.161.427.862

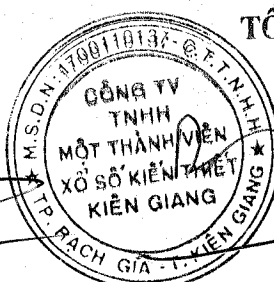
TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN THANH MINH
Người lập biểu



TRẦN ĐO THỊ MỸ LINH
Kế toán trưởng



LÂM MINH ĐẠO
Giám đốc

Kiên Giang, ngày 19 tháng 07 năm 2021

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT KIÊN GIANG
Số 94, đường 3 tháng 2, phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Kiên Giang (“Công ty”) là công ty TNHH một thành viên do UBND tỉnh Kiên Giang là cơ quan đại diện chủ sở hữu được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước và được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 1700110137 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp ngày 30 tháng 12 năm 2009 với các lần thay đổi, thay đổi lần thứ 09 ngày 19 tháng 02 năm 2021 và phê duyệt mức vốn điều lệ theo Quyết định của UBND tỉnh Kiên Giang số 2012/QĐ-UBND ngày 19 tháng 05 năm 2015.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xổ số và in ấn.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:
- Kinh doanh xổ số kiến thiết (Mã ngành 9200);
 - In ấn;
 - Dịch vụ liên quan đến in ấn;
 - Sao chép bản ghi các loại.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc của Công ty

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán bán độc lập

Tên đơn vị	Địa chỉ trụ sở chính
Xí Nghiệp In Hồ Văn Tấu - Chi nhánh Công ty TNHH MTV Xổ Số Kiến Thiết Kiên Giang	1228 Nguyễn Trung Trực, phường An Bình, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ trụ sở chính
Công ty TNHH MTV Xổ Số Kiến Thiết Kiên Giang - Chi nhánh Sài Gòn	Số 152 Lê Hồng Phong, phường 3, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
Công ty TNHH MTV Xổ Số Kiến Thiết Kiên Giang - Chi nhánh Miền Đông	B.24 Khu 1, đường Trường Sơn, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
Công ty TNHH MTV Xổ Số Kiến Thiết Kiên Giang - Chi nhánh Miền Tây	Số 16 Phạm Ngũ Lão, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
Công ty TNHH MTV Xổ Số Kiến Thiết Kiên Giang - Chi nhánh Phú Quốc	Số 32, Mạc Thiên Tích, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Các số liệu trên báo cáo tài chính tổng hợp cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021 so sánh được với số liệu tương ứng của kỳ trước.

1.6 Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, tổng số nhân viên của Công ty là 300 người.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Thông tư số 168/2009/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2009 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ kế toán đối với Công ty xổ số kiến thiết và các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác: khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư ngắn hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc thấp hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp đến quá trình sản xuất sản phẩm.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 2 đến 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

	Thời gian (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 45
Máy móc thiết bị	02 – 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	03 – 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05
Tài sản cố định khác	04

4.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.



Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất có thời hạn khấu hao 50 năm, quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

4.9 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.10 Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm:

Dự phòng rủi ro trả thường

Theo quy định tại Nghị định 122/2017/NĐ-CP ngày 13/11/2017 của Chính phủ quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số, điều kiện được trích lập dự phòng rủi ro trả thường là khi trong kỳ trích lập doanh nghiệp kinh doanh xổ số có tỷ lệ trả thường thực tế nhỏ hơn tỷ lệ trả thường kế hoạch của từng loại hình sản phẩm xổ số được phép kinh doanh theo quy định của pháp luật.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Theo Thông tư số 75/2013/TT-BTC ngày 04/06/2013 của Bộ tài chính hướng dẫn chi tiết về hoạt động kinh doanh xổ số, tỷ lệ trả thưởng tối đa đối với xổ số truyền thống là 50% trên tổng giá trị phát hành, đối với xổ số cao tỷ lệ trả thưởng tối đa là 55% trên tổng giá trị phát hành, đối với xổ số lô tô tỷ lệ trả thưởng tối đa là 60% trên tổng giá trị vé xổ số dự kiến phát hành.

Tỷ lệ trả thưởng Công ty xây dựng cho mỗi loại như sau:

Vé xổ số truyền thống	49,50%
Vé xổ số cao	55%
Vé xổ số lô tô	60%

Việc trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng được tạm trích lập theo quý và thực hiện quyết toán khi kết thúc năm tài chính.

Mức trích lập của từng loại hình xổ số được xác định như sau:

Dự phòng rủi ro trả thưởng	=	Tổng doanh thu có thuế của từng loại hình xổ số trong kỳ trích lập	x	Tỷ lệ trả thưởng kế hoạch trong kỳ trích lập theo quy định đối với từng loại hình xổ số	-	Tổng giá trị trả thưởng thực tế đã thanh toán cho khách hàng trúng thưởng của từng loại hình xổ số trong kỳ trích lập thuộc trách nhiệm chi trả của doanh nghiệp.
----------------------------	---	--	---	---	---	---

Tại thời điểm trích lập, tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng của doanh nghiệp kinh doanh xổ số hoạt động kinh doanh tại khu vực miền Nam không được vượt quá 3% tổng doanh thu có thuế của tất cả các loại hình xổ số.

Doanh nghiệp kinh doanh xổ số sử dụng quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng để trả thưởng khi tỷ lệ trả thưởng thực tế trong kỳ lớn hơn tỷ lệ trả thưởng kế hoạch. Trường hợp quỹ dự phòng trả thưởng không còn đủ để chi thì phần trả thưởng thực tế còn lại được tính vào chi phí kinh doanh. Số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng sử dụng không hết được chuyển sang năm sau. Doanh nghiệp kinh doanh xổ số có số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng đã trích lập trong kỳ vượt giới hạn quy định tại điểm a khoản này thì phải hoàn nhập vào thu nhập khác.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

4.12 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Chủ tịch phê duyệt. .

4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng thời kỳ.

4.14 Giá vốn kinh doanh

Giá vốn kinh doanh là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Giá vốn hàng bán của doanh nghiệp kinh doanh xổ số bao gồm các loại chi phí sau:

- Chi phí trả thưởng;
- Chi phí trực tiếp phát hành vé, bao gồm:
 - + Chi phí hoa hồng đại lý;
 - + Chi phí quay số mở thưởng, giám sát;
 - + Chi phí chống số đề;
 - + Chi phí dự phòng rủi ro trả thưởng;
 - + Chi phí in vé số;
 - + Chi phí trực tiếp phát hành khác.

4.15 Ghi nhận chi phí tiền lương

Quỹ tiền lương thực hiện của người quản lý trong kỳ được xác định tuân thủ theo hướng dẫn tại Nghị định 52/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ và Thông tư 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao Động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với thành viên hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, kiểm soát viên, tổng giám đốc hoặc giám đốc, phó tổng giám đốc hoặc phó giám đốc, kế toán trưởng trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu.

Quỹ tiền lương thực hiện của người lao động trong kỳ được xác định tuân thủ theo hướng dẫn tại Nghị định 51/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ và Thông tư 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao Động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu.

4.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ là thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

Trong kỳ, Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là:

- Hoạt động xuất bản áp dụng thuế suất 10%
- Hoạt động còn lại áp dụng thuế suất 20%

4.17 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét các mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của các mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Tên đối tượng	Quan hệ
Công ty Cổ phần Lanh Ke Hà Tiên	Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Bệnh Viện Đa Khoa Bình An	Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Sài Gòn - Phú Quốc	Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Du Lịch Núi Đền	Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Sài Gòn - Rạch Giá	Công ty đầu tư
Chủ tịch, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng	Thành viên quản lý chủ chốt



CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỔ KIẾN THIẾT KIÊN GIANG
Số 94, đường 3 tháng 2, phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

		30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Tiền mặt tồn quỹ	(i)	5.435.820.766	6.983.816.506
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	(ii)	469.884.174.652	512.650.679.375
Các khoản tương đương tiền (*)		-	702.990.000.000
		475.319.995.418	1.222.624.495.881

(i) Chi tiết số dư tiền mặt tồn quỹ tại ngày 30 tháng 06 năm 2021:

Công ty Xổ Số Kiến Thiết Kiên Giang	5.269.678.188
Xí Nghiệp In Hồ Văn Tầu	166.142.578
	5.435.820.766

(ii) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2021:

Công ty Xổ Số Kiến Thiết Kiên Giang	463.708.292.169
Ngân Hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	6.581.567.270
Ngân Hàng NN & PTNT Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	10.010.568.535
Ngân Hàng Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	23.202.290.155
Ngân Hàng Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	35.006.119.771
Ngân Hàng Sài Gòn - Thương Tín - Chi nhánh Kiên Giang	6.451.522.454
Ngân Hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng	6.229.327.386
Ngân Hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Hàm Nghi	58.688.937.549
Ngân Hàng Quốc Dân - Chi nhánh Kiên Giang	8.433.024.018
Ngân Hàng NN&PTNT Việt Nam- Chi nhánh Cần Thơ II	34.933.421.898
Ngân Hàng Xây Dựng Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	207.762.058
Ngân Hàng Phương Đông - Chi nhánh Kiên Giang	10.615.121.822
Ngân Hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh TP Thủ Đức (Cát Lái -Sài Gòn)	95.083.186
Ngân Hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang II	28.169.144.731
Ngân Hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Rạch Giá	21.019.888.868
Ngân Hàng Bảo Việt - Chi nhánh Kiên Giang	64.852.397.095
Ngân Hàng Đông Nam Á - Chi nhánh Kiên Giang	31.080.709.396
Ngân Hàng Ngoại Thương Việt Nam - Phòng Giao Dịch Rạch Sỏi	62.423.645.931
Ngân Hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Rạch Sỏi.	8.508.595
Ngân Hàng Hợp Tác Xã Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	294.040.473
Ngân Hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Tân Hiệp Kiên Giang II	10.013.037.974
Ngân Hàng Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm	34.112.876.483
Ngân Hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Quốc	1.262.686.733
Ngân Hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Bến Nhứt Kiên Giang II	10.016.609.788
Xí Nghiệp In Hồ Văn Tầu	6.175.882.483
Ngân Hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	35.510.777
Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	107.414.667
Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam	74.607.829
Ngân Hàng NN & PTNT Tỉnh Kiên Giang	60.250.433
Ngân Hàng ĐT & PT Kiên Giang	4.762.286.649
Ngân Hàng NN & PTNT Rạch Giá	1.134.982.128
Ngân Hàng NN & PTNT Tân Hiệp	760.000
Tổng cộng	469.884.174.652

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

5.2.1 Đầu tư ngắn hạn

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (iii)	799.380.706.132	799.380.706.132	223.500.000.000	223.500.000.000
	799.380.706.132	799.380.706.132	223.500.000.000	223.500.000.000

Số dư tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo, lãi suất từ 3,7%/năm đến 5,65%/năm tại các ngân hàng.

(iii) Chi tiết số dư khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại ngày 30 tháng 06 năm 2021:

Công ty Xổ Sổ Kiến Thiết Kiên Giang	769.380.706.132
THẾ CHẤP CỦA ĐẠI LÝ	288.246.706.132
Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	50.000.000.000
Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Quốc	50.000.000.000
Ngân hàng Công Thương - Chi nhánh Kiên Giang	65.701.415.297
Ngân hàng NN&PTNN Việt Nam - Chi nhánh Rạch Sỏi	100.000.000.000
Ngân hàng NN&PTNN Việt Nam - Chi nhánh Rạch Sỏi	1.270.000.000
Ngân hàng NN&PTNN Việt Nam - Chi nhánh Rạch Sỏi	21.275.290.835
Ngân hàng TIỀN GỬI CỦA CÔNG TY	481.134.000.000
Ngân hàng Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	65.000.000.000
Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	60.000.000.000
Ngân hàng NN&PTNN Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	10.580.000.000
Ngân hàng NN&PTNN Việt Nam - Chi nhánh TP Rạch Giá	30.160.000.000
Ngân hàng NN&PTNN Việt Nam - Chi nhánh Rạch Sỏi	60.514.000.000
Ngân hàng NN&PTNN Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang II	40.000.000.000
Ngân hàng NN&PTNN Việt Nam - Chi nhánh Tân Hiệp	20.640.000.000
Ngân hàng NN&PTNN Việt Nam - Chi nhánh Bến Nhứt	20.550.000.000
Ngân hàng Ngoại Thương - Chi nhánh Thủ Thiêm	30.000.000.000
Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức	21.800.000.000
Ngân hàng Đông Nam Á - Chi nhánh Kiên Giang	20.000.000.000
Ngân hàng NN&PTNN Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang II	20.000.000.000
Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	30.000.000.000
Ngân hàng Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	15.000.000.000
Ngân hàng NN&PTNN Việt Nam - Chi nhánh Rạch Sỏi	36.890.000.000
Xí Nghiệp In Hồ Văn Tấu	30.000.000.000
Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam	5.000.000.000
Ngân Hàng NN & PTNT Tỉnh Kiên Giang	6.000.000.000
Ngân Hàng ĐT & PT Kiên Giang	2.000.000.000
Ngân Hàng NN & PTNT Rạch Giá	4.000.000.000
Ngân Hàng NN & PTNT Tân Hiệp	8.000.000.000
Ngân Hàng NN & PTNT Bến Nhứt	5.000.000.000
Tổng cộng	799.380.706.132

5.2.2 Đầu tư tài chính dài hạn

	Giá gốc	30/06/2021 Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	01/01/2021 Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Công ty Cổ phần Lanh Ke Hà Tiên	10.000.000.000	6.000.000.000	(*)	10.000.000.000	6.000.000.000	(*)
Công ty Cổ phần Bệnh Viện Đa Khoa Bình An	18.225.000.000	-	(*)	18.225.000.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Sài Gòn - Phú Quốc	5.030.400.000	-	(*)	5.030.400.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Du Lịch Núi Đền	13.500.000.000	3.979.929.572	(*)	13.500.000.000	3.979.929.572	(*)
Công ty Cổ phần Sài Gòn - Rạch Giá	14.292.300.000	9.422.661.073	(*)	14.292.300.000	9.422.661.073	(*)
	61.047.700.000	19.402.590.645		61.047.700.000	19.402.590.645	

(*) Tại ngày lập báo cáo tài chính, Công ty chưa có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

- Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Lanh Ke Hà Tiên với giá trị 10.000.000.000 VND, Công ty chưa đi vào hoạt động.
- Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Bệnh Viện Đa Khoa Bình An với giá trị 18.225.000.000 VND, chiếm 13,02 % vốn điều lệ.
- Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Sài Gòn - Phú Quốc với giá trị 5.030.400.000 VND, chiếm 15,72 % vốn điều lệ.
- Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Du Lịch Núi Đền với giá trị 13.500.000.000 VND, chiếm 30,00 % vốn điều lệ.
- Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Sài Gòn - Rạch Giá với giá trị 14.292.300.000 VND, chiếm 10,73 % vốn điều lệ.

Tình hình hoạt động của các công ty đầu tư góp vốn

- Công ty Cổ phần Lanh Ke Hà Tiên chưa đi vào hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên từ năm 2012 trở về trước, Công ty vẫn được nhận lãi từ khoản đầu tư trước thuế như một khoảng tiền gửi ngân hàng. Từ năm 2013 đến nay, Công ty không nhận được lãi từ khoản đầu tư này do dự án đã ngưng triển khai để chuyển đổi sản xuất Clinker sang sản xuất vôi công nghiệp theo chủ trương của Bộ Xây Dựng và Văn phòng UBND tỉnh Kiên Giang. Từ năm 2014 đến nay, Công ty ngưng hoạt động và không lập Báo cáo tài chính.
- Công ty Cổ phần Bệnh Viện Đa Khoa Bình An hoạt động chính là y tế, Trong năm, Công ty đang hoạt động kinh doanh bình thường có lãi, không có thay đổi lớn so với năm trước.
- Công ty Cổ phần Sài Gòn - Phú Quốc hoạt động chính là khách sạn, dịch vụ ăn uống... Trong năm, Công ty đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT KIÊN GIANG

Số 94, đường 3 tháng 2, phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Công ty Cổ phần Du Lịch Núi Đền hoạt động chính là khách sạn, dịch vụ ăn uống. Trong năm, Công ty đang ngưng hoạt động, Công ty đã trích lập dự phòng.

Công ty Cổ phần Sài Gòn - Rạch Giá hoạt động chính là khách sạn, dịch vụ ăn uống. Trong năm, Công ty đang hoạt động kinh doanh thua lỗ, Công ty đã trích lập dự phòng.

Dự phòng cho các khoản đầu tư

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư như sau:

	30/06/2021 VND
Tại ngày 01/01/2021	19.402.590.645
Trích lập dự phòng bổ sung	-
Tại ngày 30/06/2021	19.402.590.645

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty Xổ Số Kiến Thiết Kiên Giang		
Đại lý vé số	194.738.100.650	168.882.607.475
Xí Nghiệp In Hồ Văn Tầu		
Công ty Cổ phần Kiên Hùng - Thanh Lộc	287.501.555	190.374.223
Công ty Cổ phần Thực Phẩm Trung Sơn	153.302.000	206.315.650
Báo Kiên Giang	325.199.765	395.205.470
Nhà Xuất Bản Giáo Dục Thành Phố Cần Thơ	592.100.326	32.498.913
Bệnh Viện Đa Khoa Kiên Giang	-	301.798.310
Các khách hàng khác	109.875.802	761.865.318
	196.206.080.098	170.770.665.359

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty Xổ Số Kiến Thiết Kiên Giang		
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Agribank - CN Miền Nam	90.000.000	90.000.000
Công ty Cổ phần Tư Vấn Đầu Tư và Thẩm Định Giá Đông Dương	11.000.000	83.500.000
Công ty Vi tính Ngôi Sao	9.400.000	-
Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm Toán Sao Việt	-	35.750.000
Xí Nghiệp In Hồ Văn Tầu		
Công ty TNHH Sản xuất Máy Công Nghiệp Tiến Đạt		17.160.000
Công ty TNHH May Thêu Giày An Phước		58.891.090
	110.400.000	285.301.090

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT KIÊN GIANG
Số 94, đường 3 tháng 2, phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

5.5 Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty Xổ Số Kiến Thiết Kiên Giang				
Phải thu thuế TNCN	239.740.045	-	-	-
Phải thu CTCP Du lịch Núi Đền	301.950.000	-	301.950.000	-
Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng	-	-	1.516.982.357	-
Phải thu bảo hiểm nhân thọ của nhân viên	-	-	251.119.700	-
Phải thu khác	-	-	44.000.000	-
Xí Nghiệp In Hồ Văn Tầu				
Phải thu thuế TNCN	-	-	461.753.207	-
Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng	-	-	101.761.644	-
	541.690.045	-	2.677.566.908	-

5.6 Hàng tồn kho

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	7.052.903.838	-	8.139.029.923	-
Công cụ, dụng cụ	9.297.598	-	7.235.413	-
Chi phí SXKD dở dang	38.997.260	-	54.526.094	-
Thành phẩm	-	-	2.661.754.885	-
Hàng hóa	123.428.397	-	146.581.189	-
Vé xổ số	591.789.345	-	-	-
(iv)	7.816.416.438	-	11.009.127.504	-

(iv) Chi tiết số dư hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 06 năm 2021:

Công ty Xổ Số Kiến Thiết Kiên Giang

Hàng hóa	123.428.397
Vé xổ số	591.789.345
	715.217.742

Xí Nghiệp In Hồ Văn Tầu

Nguyên liệu, vật liệu	7.052.903.838
Công cụ, dụng cụ	9.297.598
Chi phí SXKD dở dang	38.997.260
	7.101.198.696

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT KIÊN GIANG
 Số 94, đường 3 tháng 2, phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

5.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Chi phí mua bảo hiểm	169.889.481	262.527.662
Chi phí mua công cụ	140.658.969	360.414.000
Chi phí quảng cáo	639.494.002	1.312.500.000
Chi phí sửa chữa	371.345.460	810.546.837
Chi phí thuê nhà	272.862.000	115.500.000
Khác	47.871.054	-
(a)	1.642.120.966	2.861.488.499

(a) Trong đó, chi phí trả trước ngắn hạn tại Công ty Xổ Số Kiến Thiết Kiên Giang là 1.525.473.180 VND và chi phí trả trước ngắn hạn tại Xí Nghiệp In Hồ Văn Tầu là 116.647.786 VND.

5.7.2 Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	630.777.559	37.832.294
Chi phí sửa chữa	-	21.404.819
Chi phí khác	7.291.673	29.166.671
(b)	638.069.232	88.403.784

(b) Trong đó, chi phí trả trước dài hạn tại Công ty Xổ Số Kiến Thiết Kiên Giang là 624.446.504 VND và chi phí trả trước dài hạn tại Xí Nghiệp In Hồ Văn Tầu là 13.622.728 VND.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN XÓ SỎ KIẾN THIẾT KIẾN GIANG
Số 94, đường 3 tháng 2, phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2021	190.469.973.617	33.490.392.840	10.826.532.863	68.000.000	479.000.000	235.333.899.320
Tăng do mua sắm	-	162.890.909	-	-	-	162.890.909
Tại ngày 30/06/2021	190.469.973.617	33.653.283.749	10.826.532.863	68.000.000	479.000.000	235.496.790.229
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2021	41.993.397.367	25.873.037.105	9.501.175.904	37.760.000	327.589.000	77.732.959.376
Phân loại	282.658.356	(1)	(282.658.355)	-	-	-
Khấu hao trong kỳ	7.003.764.402	709.728.134	487.540.904	5.664.000	23.004.000	8.229.701.440
Tại ngày 30/06/2021	49.279.820.125	26.582.765.238	9.706.058.453	43.424.000	350.593.000	85.962.660.816
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2021	148.476.576.250	7.617.355.735	1.325.356.959	30.240.000	151.411.000	157.600.939.944
Tại ngày 30/06/2021	141.190.153.492	7.070.518.511	1.120.474.410	24.576.000	128.407.000	149.534.129.413
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:						
Tại ngày 01/01/2021	1.788.463.580	23.299.483.750	4.910.948.317	-	295.000.000	30.293.895.647
Tại ngày 30/06/2021	1.788.463.580	23.299.483.750	5.924.757.408	-	295.000.000	31.307.704.738

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỔ KIẾN THIẾT KIÊN GIANG
Số 94, đường 3 tháng 2, phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm kế toán VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2021	43.441.816.371	32.696.000	35.320.000	43.509.832.371
Khấu hao trong kỳ				-
Tại ngày 30/06/2021	43.441.816.371	32.696.000	35.320.000	43.509.832.371
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2021	4.806.426.000	32.696.000	35.320.000	4.874.442.000
Khấu hao trong kỳ	335.346.000		-	335.346.000
Tại ngày 30/06/2021	5.141.772.000	32.696.000	35.320.000	5.209.788.000
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2021	38.635.390.371	-	-	38.635.390.371
Tại ngày 30/06/2021	38.300.044.371	-	-	38.300.044.371

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Tại ngày 01/01/2021	32.696.000	35.320.000	68.016.000
Tại ngày 30/06/2021	32.696.000	35.320.000	68.016.000

5.10 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty Xổ Sổ Kiến Thiết Kiên Giang		
Công ty TNHH Xây Dựng Cường Phát	17.748.121	17.748.121
Xí Nghiệp In Hồ Văn Tầu		
Công ty Cổ phần Thương Mại Toàn Lực	1.563.727.785	-
Công ty TNHH Quốc Tế Thịnh Phát	-	163.175.238
Công ty Sản Xuất Vật Tư Ngành In Mỹ Lan	-	88.079.852
Công ty TNHH Tuyết Châu	-	87.587.500
Công ty Cổ phần In Sóc Trăng	-	179.900.160
Các nhà cung cấp khác	392.881.519	263.300.960
	1.974.357.425	799.791.831

5.11 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty Xổ Sổ Kiến Thiết Kiên Giang		
Ngô Ngọc Thúy	109.290.000	110.380.000
Nguyễn Văn Được	114.070.000	137.600.000
Lê Phương Thúy	161.720.000	298.110.000
Đặng Nguyễn Phúc Bảo	135.280.000	-
Nguyễn Kim Nhung	-	167.070.000
Các khách hàng khác	273.785.000	286.990.000
Xí Nghiệp In Hồ Văn Tầu		
Tư Nhân	33.760.004	25.816.655
	827.905.004	1.025.966.655

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN XÓ SÓ KIẾN THIẾT KIẾN GIANG
Số 94, đường 3 tháng 2, phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2021		Số phát sinh trong kỳ		30/06/2021	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế GTGT đầu ra	36.698.055.699	-	257.285.042.297	(256.572.390.157)	37.410.707.839	-
- Thuế GTGT đầu ra truyền thống	35.689.089.859	-	250.422.818.595	(250.841.453.552)	35.270.454.902	-
- Thuế GTGT đầu ra vé cào	-	-	1.036.310.909	(990.545.454)	45.765.455	-
- Thuế GTGT đầu ra lô tó	137.958.635	-	816.551.360	(825.676.815)	128.833.180	-
- Thuế GTGT đầu ra - Xí nghiệp In Hồ Văn Tầu	871.007.205	-	5.009.361.433	(3.914.714.336)	1.965.654.302	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	47.421.816.403	-	328.906.378.459	(329.559.463.044)	46.768.731.818	-
- Thuế TTĐB vé số Truyền thống	47.241.870.356	-	326.489.601.582	(327.190.607.906)	46.540.864.032	-
- Thuế TTĐB vé số cào	-	-	1.351.709.882	(1.292.015.811)	59.694.071	-
- Thuế TTĐB vé số Lô Tô	179.946.047	-	1.065.066.995	(1.076.839.327)	168.173.715	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	91.734.416.422	-	65.071.787.745	(118.734.416.422)	38.071.787.745	-
Lợi nhuận sau thuế nộp ngân sách	350.244.536.327	-	108.000.000.000	(458.244.536.327)	-	130.252.811
Thuế thu nhập cá nhân	15.872.077.419	-	93.937.327.347	(95.900.378.395)	14.039.279.182	-
- Thuế thu nhập cá nhân CNV	1.745.488.642	-	3.483.759.634	(5.229.248.276)	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân đại lý	3.163.035.570	-	20.803.869.713	(21.008.546.101)	2.958.359.182	-
- Thuế thu nhập từ người trúng thưởng vé số	10.453.500.000	-	69.614.570.000	(68.996.070.000)	11.072.000.000	-
- Thuế TNCN người không ký HĐ lao động	48.300.000	-	31.688.000	(71.068.000)	8.920.000	-
- Thuế TNCN - Xí nghiệp In Hồ Văn Tầu	461.753.207	-	3.440.000	(595.446.018)	-	130.252.811
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	68.733.945	(68.733.945)	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất - Xí nghiệp In Hồ Văn Tầu	-	-	111.454.604	(111.454.604)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	8.000.000	(8.000.000)	-	-
	541.970.902.270	-	853.388.724.397	(1.259.199.372.894)	136.290.506.584	130.252.811

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT KIÊN GIANG
Số 94, đường 3 tháng 2, phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Thuế giá trị gia tăng:
Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với hoạt động kinh doanh xổ số là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")
Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập in xuất bản tính thuế với thuế suất 10%, hoạt động còn lại thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	06 tháng đầu năm 2021 VND	06 tháng đầu năm 2020 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	328.730.485.219	267.524.830.164
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(2.712.399.298)	(1.090.547.289)
Thu nhập chịu thuế	326.018.085.921	266.434.282.875
Thu nhập chịu thuế - Thuế suất 10%	1.318.294.384	434.132.960
Thu nhập chịu thuế - Thuế suất 20%	324.699.791.537	266.000.149.915
Thu nhập tính thuế	324.699.791.537	266.000.149.915
Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông (10%)	131.829.438	43.413.296
Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông (20%)	64.939.958.307	53.200.029.983
Tổng thuế TNDN phải nộp	65.071.787.745	53.243.443.279

Thuế tiêu thụ đặc biệt
Công ty nộp thuế tiêu thụ đặc biệt theo kê khai theo từng tháng. Thuế suất thuế Tiêu thụ đặc biệt đối với hoạt động kinh doanh xổ số là 15%.

Thuế nhà đất
Tiền thuế đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác
Công ty kê khai và nộp theo qui định.

5.13 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác

5.13.1 Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty Xổ Số Kiến Thiết Kiên Giang		
Phải thu khác (Thuế TNCN) thu thừa	181.631.119	173.936.298
Lãi tiền gửi ngân hàng thế chấp của đại lý	-	2.640.560.083
Phải trả chi trả thưởng	181.100.000	-
Nguyễn Đức Huy - mua giấy vụn	40.000.000	40.000.000
Công ty TNHH MTV Đồi Sim	300.000.000	300.000.000
Ủy quyền trả thưởng.	2.182.761.340	-
15% Hoa hồng Vé số truyền thống	41.789.209.425	-
Bảo hiểm nhân thọ đáo hạn chờ quyết toán với người lao động	-	8.788.800.000
	44.674.701.884	11.943.296.381

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỔ KIẾN THIẾT KIÊN GIANG
 Số 94, đường 3 tháng 2, phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

5.13.2 Phải trả dài hạn khác

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty Xổ Số Kiến Thiết Kiên Giang		
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác		
Đại lý thẻ chấp tiền vé truyền thống nhận bán	296.673.479.707	271.001.415.297
	296.673.479.707	271.001.415.297

5.14 Dự phòng phải trả ngắn hạn

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Dự phòng rủi ro trả thưởng	58.743.129.299	19.175.094.499
	58.743.129.299	19.175.094.499

5.15 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	30/06/2021 VND
Tại ngày 01/01/2021	9.753.895.370
Trích từ lợi nhuận	10.522.044.872
Tặng khác	18.625.000
Chi trong kỳ	(11.738.249.880)
Tại ngày 30/06/2021	8.556.315.362

5.16 Vốn chủ sở hữu

5.16.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2020	1.000.000.000.000	-	1.000.000.000.000
Lãi trong năm	-	471.403.544.448	471.403.544.448
Trích lập quỹ	-	(19.270.967.955)	(19.270.967.955)
Nộp lợi nhuận còn lại về ngân sách nhà nước	-	(452.132.576.493)	(452.132.576.493)
Tại ngày 31/12/2020	1.000.000.000.000	-	1.000.000.000.000
Tại ngày 01/01/2021	1.000.000.000.000	-	1.000.000.000.000
Lãi trong kỳ(*)	-	263.658.697.474	263.658.697.474
Trích lập quỹ (**)	-	(10.522.044.872)	(10.522.044.872)
Tạm nộp lợi nhuận còn lại về ngân sách nhà nước	-	(108.000.000.000)	(108.000.000.000)
Tại ngày 30/06/2021	1.000.000.000.000	145.136.652.602	1.145.136.652.602

(*) Trong đó, lãi trong kỳ của Công ty Xổ Số Kiến Thiết Kiên Giang là 260.241.292.811 VND, lãi trong kỳ của Xi Nghiệp In Hồ Văn Tầu là 3.417.404.663 VND.

(**) Quỹ được trích lập theo bảng phân phối tạm trích của Công ty.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỔ KIẾN THIẾT KIÊN GIANG
Số 94, đường 3 tháng 2, phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

5.16.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 09 ngày 21 tháng 02 năm 2021 do Sở kế hoạch Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp, vốn điều lệ của Công ty là 1.000.000.000.000 VND.

Chi tiết như sau:

	30/06/2021		01/01/2021	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
UBND tỉnh Kiên Giang	1.000.000.000.000	100,00%	1.000.000.000.000	100,00%
	1.000.000.000.000	100%	1.000.000.000.000	100%

5.16.3 Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty đã tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận như sau:

	VND
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi Công ty Xổ Số Kiến Thiết Kiên Giang	7.104.640.209
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi Xí Nghiệp In Hồ Văn Tầu	3.417.404.663
	10.522.044.872

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	06 tháng đầu năm 2021 VND	06 tháng đầu năm 2020 VND
Doanh thu kinh doanh xổ số		
Xổ số truyền thống	2.503.086.945.456	2.020.418.445.454
Xổ số cào	9.911.145.455	-
Xổ số lô tô	8.165.513.640	7.750.509.096
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.980.319.888	35.921.777.351
(*)	2.546.143.924.439	2.064.090.731.901
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Thuế tiêu thụ đặc biệt		
Xổ số truyền thống	326.489.601.582	263.532.840.711
Xổ số cào	1.292.758.103	-
Xổ số bốc	-	-
Xổ số lô tô	1.065.066.995	1.010.935.969
(**)	328.847.426.680	264.543.776.680
Doanh thu thuần	(*) - (**) 2.217.296.497.759	1.799.546.955.221

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT KIÊN GIANG
Số 94, đường 3 tháng 2, phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

6.2 Chi phí kinh doanh

	06 tháng đầu năm 2021 VND	06 tháng đầu năm 2020 VND
Chi phí trả thưởng	1.335.453.600.000	1.089.817.078.000
Chi phí trực tiếp phát hành xổ số	(i) 484.977.294.321	361.231.282.799
Giá vốn hàng bán	16.426.055.670	28.151.265.299
	1.836.856.949.991	1.479.199.626.098

(i) Chi phí trực tiếp phát hành xổ số bao gồm:

	06 tháng đầu năm 2021 VND	06 tháng đầu năm 2020 VND
Chi phí hoa hồng đại lý	415.991.994.750	334.647.877.500
Chi phí uỷ quyền trả thưởng	2.193.586.810	1.629.313.460
Chi phí quay số mở thưởng, giám sát	1.401.616.000	1.238.367.000
Chi phí dự phòng rủi ro trả thưởng	39.568.034.800	-
Chi phí về in vé Xổ số	24.496.914.940	22.325.887.260
Chi phí thông tin kết quả mở thưởng	801.996.000	1.039.746.000
Chi phí đóng góp cho HĐXS khu vực	60.000.000	60.000.000
Chi phí trực tiếp phát hành khác	463.151.021	290.091.579
	484.977.294.321	361.231.282.799

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	06 tháng đầu năm 2021 VND	06 tháng đầu năm 2020 VND
Lãi tiền gửi	3.042.629.327	5.703.292.927
Nhận tiền cổ tức	2.712.399.298	1.090.547.289
	5.755.028.625	6.793.840.216

6.4 Chi phí tài chính

	06 tháng đầu năm 2021 VND	06 tháng đầu năm 2020 VND
Chi phí thẩm định	131.818.182	-
	131.818.182	-

6.5 Chi phí bán hàng

	06 tháng đầu năm 2021 VND	06 tháng đầu năm 2020 VND
Chi phí hoa hồng	270.238.640	340.605.000
Chi phí quảng cáo	47.090.909	29.727.273
Chi phí quà tặng khách hàng	56.760.000	-
Chi phí khác	32.321.604	41.226.894
	406.411.153	411.559.167

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỔ KIẾN THIẾT KIÊN GIANG
Số 94, đường 3 tháng 2, phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	06 tháng đầu năm 2021 VND	06 tháng đầu năm 2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	32.182.751.478	26.834.196.530
Chi phí đồ dùng văn phòng	6.142.750	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.907.104.994	10.657.282.015
Chi phí thuê, lệ phí	264.365.773	191.432.273
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.307.422.333	1.037.733.797
Chi phí tài trợ	6.550.000.000	7.095.000.000
Chi phí quản lý khác	9.713.525.924	13.987.758.865
	57.931.313.252	59.803.403.480

6.7 Thu nhập khác

	06 tháng đầu năm 2021 VND	06 tháng đầu năm 2020 VND
Tiền bán giấy phế liệu	729.200.243	603.823.472
Thu nhập khác	283.851.170	-
	1.013.051.413	603.823.472

6.8 Chi phí khác

	06 tháng đầu năm 2021 VND	06 tháng đầu năm 2020 VND
Chi phí khác	7.600.000	5.200.000
	7.600.000	5.200.000

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	06 tháng đầu năm 2021 VND	06 tháng đầu năm 2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	18.462.087.882	12.545.221.234
Chi phí nhân công	48.610.662.498	39.522.642.359
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.565.047.440	11.303.406.453
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.460.050.192	4.044.539.015
Chi phí khác	1.836.627.581.554	1.471.391.077.379
	1.917.725.429.566	1.538.806.886.440

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

7.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt:

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

		06 tháng đầu năm 2021 VND
Lương, thưởng Ban quản lý	(*)	2.832.871.802
Thù lao		80.880.000
		<u>2.913.751.802</u>

(*) Đây là phần tiền lương 06 tháng đầu năm 2021 và tiền lương còn lại của người quản lý Công ty năm 2020.

7.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty chưa phát sinh giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ với công ty đầu tư.

Công ty chưa phát sinh giao dịch phát sinh mua, bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan khác.

Cam kết bảo lãnh

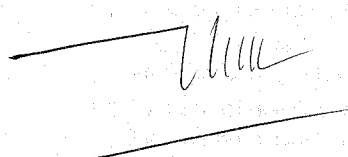
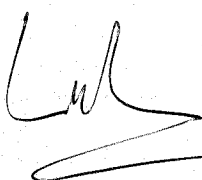
Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có cam kết bảo lãnh nghĩa vụ tài chính cho các bên liên quan khác.

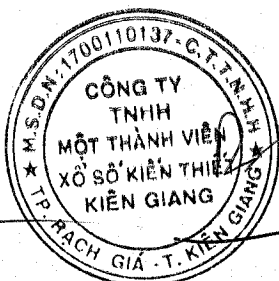
7.1.3 Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình hoạt động của doanh nghiệp

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	86,56	87,29
- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	13,44	12,71
1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	33,10	46,57
- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	66,90	53,43
2. Khả năng thanh toán			
2.1 Khả năng thanh toán hiện hành	lần	3,02	2,15
2.2 Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	5,49	2,72
2.3 Khả năng thanh toán nhanh	lần	4,72	2,41
2.4 Khả năng thanh toán nợ dài hạn	lần	-	-
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu	%	14,83	14,87
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	%	11,89	11,91
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	19,21	14,29
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	15,40	11,45
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu	%	23,02	21,43

7.2 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



TRẦN THANH MINH
Người lập biểu

TRẦN ĐỖ THỊ MỸ LINH
Kế toán trưởng

LÂM MINH ĐẠO
Tổng Giám đốc
Kiên Giang, ngày 19 tháng 07 năm 2021